

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
GERUCO SÔNG CÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2015	14 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Côn, được thành lập theo biên bản thỏa thuận ngày 03 tháng 9 năm 2004 giữa Tổng Công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam) và Tổng Công ty Xây dựng Miền Trung. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3303070093 ngày 22 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ, và được cấp lại mã số doanh nghiệp mới là 4000407699, trong đó lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 24 tháng 03 năm 2014.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ giao dịch : Lô 253 khu dân cư Vạn Tường, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511-3 735 214
- Fax : 0511-3 735 215

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:

- Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện;
- Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình cầu cống, kỹ thuật hạ tầng;
- Xây dựng các đô thị và khu công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Thi công các công trình xây dựng, thoát nước;
- Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (bao gồm rác thải không độc hại, độc hại);
- Tái chế phế liệu;
- Trồng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác (chỉ khai thác khi được cấp phép);
- Khai thác quặng kim loại, đất, đá, cát, sỏi, đất sét và các loại khoáng sản khác (trừ khoáng sản cấm)/.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Thành	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Ngô Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Văn Thành	Phó chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Thị Oanh	Ủy viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Hữu Phước	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2015
Ông Phạm Bá Sơn	Ủy viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Phi Hùng	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kiều Trinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015
Ông Hoàng Văn Sơn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015
Ông Hoàng Văn Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2015
Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 10 năm 2015
Ông Dương Văn Khen	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Oanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2005
Ông Trần Quang Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010
Ông Đỗ Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2010

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Oanh (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2005).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Thị Oanh

Ngày 18 tháng 3 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 178/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 02 năm 2015.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.774.015.707	68.689.344.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.287.586.348	19.445.340.796
1. Tiền	111		7.287.586.348	19.445.340.796
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.053.003.621	46.756.296.378
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	48.409.406.650	40.352.305.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.434.505.000	4.931.684.529
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.209.091.971	1.472.306.405
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.268.642.749	2.322.919.191
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.268.642.749	2.322.919.191
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		164.782.989	164.787.989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		164.782.989	164.787.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		848.622.384.538	852.642.970.120
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		718.880.747.018	759.055.628.943
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	718.880.747.018	759.055.628.943
<i>Nguyên giá</i>	222		1.029.892.643.932	1.028.398.086.893
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(311.011.896.914)	(269.342.457.950)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		57.568.000	57.568.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(57.568.000)	(57.568.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		81.242.233.241	74.010.286.608
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	81.242.233.241	74.010.286.608
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.947.827.493	16.947.827.493
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	16.947.827.493	16.947.827.493
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.551.576.786	2.629.227.076
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	31.551.576.786	2.629.227.076
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		912.396.400.245	921.332.314.474

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Jơ Ngát, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		524.608.199.083	560.662.598.727
I. Nợ ngắn hạn	310		157.474.714.623	65.731.382.318
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.572.919.739	2.445.442.181
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	16.294.375.030	9.935.383.744
4. Phải trả người lao động	314		4.693.866.403	2.708.946.298
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.989.204.056	9.940.431.137
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	15.007.289.441	7.545.668.713
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	105.753.549.709	33.135.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.163.510.245	20.510.245
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		367.133.484.460	494.931.216.409
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	367.133.484.460	494.931.216.409
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		387.788.201.162	360.669.715.747
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	387.721.872.139	360.569.830.848
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		374.920.000.000	374.920.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		374.920.000.000	374.920.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(15.200.000.000)	(17.499.826.313)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.792.211.404	1.792.211.404
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.209.660.735	1.357.445.757
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.357.445.757	1.357.445.757
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.852.214.978	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		66.329.023	99.884.899
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.18	66.329.023	99.884.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		912.396.400.245	921.332.314.474

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Duy



Võ Minh Tân



Trần Thị Oanh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

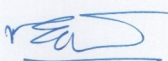
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	196.012.993.302	136.395.603.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		196.012.993.302	136.395.603.660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	89.113.378.108	83.107.908.927
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		106.899.615.194	53.287.694.733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	189.611.264	580.194.590
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	49.221.935.479	41.689.266.705
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.111.055.266	29.536.698.562
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.472.978.441	10.866.007.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.394.312.538	1.312.614.927
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6.031.657	20.909.091
12. Chi phí khác	32	VI.7	11.302.173	202.146.466
13. Lợi nhuận khác	40		(5.270.516)	(181.237.375)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44.389.042.022	1.131.377.552
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	2.377.027.044	119.773.761
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.012.014.978	1.011.603.791
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.063	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.063	-

Lập ngày 18 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Duy

Võ Minh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngật, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		209.295.962.507	137.553.926.634
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(115.772.942.922)	(23.971.856.877)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.738.645.991)	(15.559.545.976)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(11.596.467.194)	(29.536.698.562)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.089.249.145)	(811.346.934)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		605.666.195	792.350.775
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.697.927.383)	(41.808.631.881)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		54.006.396.067	26.658.197.179
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.760.079.539)	(1.969.074.338)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		184.046.591	578.834.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.576.032.948)	(1.390.239.848)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jo Ngậy, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		398.457.076.054	117.888.662.681
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(453.636.258.294)	(148.842.568.417)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.414.500.000)	(11.196.648.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(62.593.682.240)	(42.150.554.486)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.163.319.121)	(16.882.597.155)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.445.340.796	36.326.562.253
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.564.673	1.375.698
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	9.287.586.348	19.445.340.796

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Xuân Duy



Võ Minh Tân

Lập ngày 18 tháng 1 năm 2016
Trần Thị Oanh
Tổng Giám đốc



Trần Thị Oanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, sản xuất và kinh doanh điện năng; Tư vấn đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Xây dựng các công trình dân dụng, thủy lợi, thủy điện, giao thông đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công các công trình xây dựng cấp thoát nước; Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu; Xây dựng kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê, kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (bao gồm rác thải không độc hại, độc hại); Tái chế phế liệu; Trồng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản khác (chỉ khai thác khi được cấp phép); Khai thác quặng kim loại, đất, đá, cát, sỏi, đất sét và các loại khoáng sản khác (trừ khoáng sản cấm)/.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Thị trấn ĐăkGLEi, Huyện Đăk Glei, Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	22%	22%	22%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 101 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 102 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì cần có đủ xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí khác

Các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều kỳ kế toán (Khai thông nạo vét lòng hồ thủy điện, khai thông thượng hạ lưu khu vực nhà máy, Chi phí giải phóng mặt bằng, lập Phương án phòng chống lũ lụt) được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 4 đến 5 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	15 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 - 10
Tài sản cố định khác	08 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có Chương trình phần mềm: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm điện

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Sơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Sơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	48.469.945	150.882.638
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.239.116.403	19.294.458.158
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	2.000.000.000	
Cộng	<u>9.287.586.348</u>	<u>19.445.340.796</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3893000083 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2007. Theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2008 thuộc văn bản số 02B/NQ-VRGNL ngày 16/01/2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh thì Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn sẽ đầu tư 22% vốn điều lệ. Số tiền đã đầu tư đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16.947.827.493 VND.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	16.947.827.493	16.947.827.493

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>48.409.406.650</i>	<i>40.352.305.444</i>
Công ty Mua Bán Điện	48.383.865.671	40.287.866.060
Chi nhánh Viettel Quảng Nam	25.540.979	64.439.384
Cộng	<u>48.409.406.650</u>	<u>40.352.305.444</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>1.434.505.000</i>	<i>4.931.684.529</i>
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Đà Nẵng		1.843.717.046
Viện Thủy điện và Năng lượng Tái tạo	473.431.000	777.597.000
Chi đoàn Công ty Cổ phần thủy điện Geruco Sông Côn	141.965.000	141.965.000
Công ty TNHH Một thành viên Hữu Hay		392.331.083

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Jo Ngáy, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	516.476.000	516.476.000
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ	116.900.000	
Công ty TNHH Một thành viên 789 Miền Trung		937.612.600
Trả trước nhà cung cấp khác	185.733.000	321.985.800
Cộng	<u>1.434.505.000</u>	<u>4.931.684.529</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>40.000.000</i>			
Tập đoàn Cao su Việt Nam	40.000.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.169.091.971</i>		<i>1.472.306.405</i>	
Phải thu Cán bộ nhân viên	697.712.350		23.543.694	
Bưu điện huyện Đông Giang - Quảng Nam	3.000.000		3.000.000	
Cục thuế tỉnh Quảng Nam	1.000.000			
Kinh phí công đoàn dư nợ			47.222.742	
Tạm ứng	1.342.784.421		1.398.539.969	
Phải thu BHXH	3.556.900			
Phải thu các nhân khác	121.038.300			
Cộng	<u>2.209.091.971</u>		<u>1.472.306.405</u>	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.233.250.849		2.283.053.984	
Công cụ, dụng cụ	35.391.900		39.865.207	
Cộng	<u>2.268.642.749</u>		<u>2.322.919.191</u>	

7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	254.903.412	418.898.282
Khảo sát thiết kế gia cố viên hồ bậc 1, nạo vét khai thông thủy lợi bậc 2	152.389.680	378.527.680
Thi công khai thông thượng lưu nhà máy bậc 2	2.792.185.879	1.007.552.727
Tư vấn lập phương án điều chỉnh giá điện, thương thảo giá điện Nhà máy Sông Côn 2	412.123.387	824.248.387
Chi phí thưởng sáng kiến van lật, ống nhánh	2.032.000.000	
Giải phóng mặt bằng Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 năm 2015	1.252.675.347	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lập phương án chống lũ	405.882.986	
Nạo vét lòng hồ bậc 2 năm 2015	1.368.683.125	
Chi phí tái cơ cấu các khoản nợ vay	15.443.431.415	
Đại tu tổ máy H1, H2	3.985.436.487	
Lắp đặt rơ le Nhà máy Sông Côn	3.451.865.068	
Cộng	<u>31.551.576.786</u>	<u>2.629.227.076</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngắt, xã Jo Ngắt, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	698.104.314.268	231.372.587.857	97.986.238.143	934.946.625	1.028.398.086.893
Mua trong năm	242.380.000	263.200.000		115.000.000	620.580.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	873.977.039				873.977.039
Số cuối năm	699.220.671.307	231.635.787.857	97.986.238.143	1.049.946.625	1.029.892.643.932
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			3.868.951.326	173.504.601	4.042.455.927
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	129.131.646.298	105.838.452.674	33.981.960.274	390.398.704	269.342.457.950
Khấu hao trong năm	23.267.342.835	13.645.006.557	4.661.909.328	95.180.244	41.669.438.964
Số cuối năm	152.398.989.133	119.483.459.231	38.643.869.602	485.578.948	311.011.896.914
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	568.972.667.970	125.534.135.183	64.004.277.869	544.547.921	759.055.628.943
Số cuối năm	546.821.682.174	112.152.328.626	59.342.368.541	564.367.677	718.880.747.018

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 962.857.967.643 VND và 681.891.477.854 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Liên doanh Việt Nga.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Là phần mềm văn phòng:			
Số đầu năm	57.568.000	57.568.000	
Tăng trong năm			
Số cuối năm	57.568.000	57.568.000	
Nguyên giá đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	57.568.000		

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	74.010.286.608	8.105.923.672	(873.977.039)	81.242.233.241
<i>Dự án cắm mốc hành lang an toàn đập và hồ chứa nước B2</i>		873.977.039	(873.977.039)	
<i>Dự án Thủy điện Sông Nam Sông Bắc</i>	66.916.932.608	7.231.946.633		74.148.879.241
<i>Dự án Thủy điện Sông Hương - Luông Đông</i>	2.791.000.000			2.791.000.000
<i>Dự án cấp nước thành phố Đà Nẵng</i>	4.302.354.000			4.302.354.000
Cộng	74.010.286.608	8.105.923.672	(873.977.039)	81.242.233.241

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	659.839.769	
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	659.839.769	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.913.079.970	2.445.442.181
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Đà Nẵng	1.745.129.317	920.323.639
Viện Thủy điện và Năng lượng Tài tạo	3.847.813.163	260.479.686
Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung	260.479.686	894.681.400
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		369.957.456
Các đối tượng khác	1.059.657.804	
Cộng	7.572.919.739	2.445.442.181

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.226.381.002	18.971.673.471	(13.879.000.666)	6.319.053.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.112.598	2.377.027.044	(1.089.249.145)	1.353.890.497

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	10.634.769	659.873.226	(391.688.734)	278.819.261
Thuế tài nguyên	1.923.583.375	13.006.010.986	(13.833.782.896)	1.095.811.465
Thuế bảo vệ môi trường	6.708.672.000	4.092.175.800	(3.554.047.800)	7.246.800.000
Thuế môn bài		4.000.000	(4.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		5.609.049	(5.609.049)	
Cộng	9.935.383.744	39.116.369.576	(32.757.603.290)	16.294.375.030

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2009, 2010, 2011 và 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2021). Trong thời gian ưu đãi thuế Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm (từ năm 2009 đến năm 2024).

Cũng theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty hạch toán riêng đối với phần thu nhập của Nhà máy Thủy điện Sông Côn để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm do Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Côn được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo tính từ năm dự án hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập và áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.389.042.022	1.131.377.552
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	527.528.116	270.088.768
<i>Điều chỉnh tăng chi phí không hợp lệ</i>	531.735.091	271.446.466
<i>Điều chỉnh tăng lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm trước</i>	1.357.698	
<i>Điều chỉnh giảm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền năm nay</i>	(5.564.673)	(1.357.698)
Thu nhập chịu thuế	44.916.570.138	1.401.466.320
Thu nhập được hưởng ưu đãi	44.916.570.138	1.109.110.763
Thu nhập không được hưởng ưu đãi		292.355.557
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất phổ thông	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi	4.491.657.014	110.911.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông		64.318.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.245.828.506)	(55.455.538)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	2.245.828.506	119.773.761
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	131.198.536	
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.377.027.044	119.773.761

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước phục vụ cho hoạt động sản xuất điện với mức 4%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.822.938.197	8.257.425.336
Lãi vay phải trả - Tập đoàn Cao su	1.822.938.197	8.257.425.336
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.166.265.859	1.683.005.801
Lãi vay phải trả Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	4.125.599.193	1.652.159.134
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	40.666.666	30.846.667
Cộng	5.989.204.056	9.940.431.137

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan tiền cổ tức</i>	12.210.000.000	7.412.500.000
Tập đoàn Cao su Việt Nam	7.650.000.000	7.412.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Phú Riềng	2.280.000.000	
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	2.280.000.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.797.289.441	133.168.713
Kinh phí công đoàn	1.461.216	
Bảo hiểm xã hội		78.840.760
Bảo hiểm y tế		14.775.153
Bảo hiểm thất nghiệp		6.566.730
Phải trả về chế độ BHXH tại Công ty		21.957.845

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả năm nay	2.786.800.000	11.028.225
Cổ tức, lợi nhuận phải trả năm trước	9.028.225	
Cộng	15.007.289.441	7.545.668.713

Công ty không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>848.318.167</i>	
Vay dài hạn đến hạn trả Tập đoàn Cao su Việt Nam	848.318.167	
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>104.905.231.542</i>	<i>33.135.000.000</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.335.000.000	33.135.000.000
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	7.335.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱⁱ⁾	47.000.000.000	23.135.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	50.570.231.542	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam - Đà Nẵng	8.455.262.590	
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng	42.114.968.952	
Cộng	105.753.549.709	33.135.000.000

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng tín dụng số 123/2014/HĐTĐ ngày 25 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng Liên Doanh Việt Nga Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, L/C với mức dự nợ tối đa là 10.000.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng lần nhận nợ tối đa 06 tháng/lần nhận nợ, lãi suất được xác định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Nhà máy thủy điện Sông Côn 2, toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HD-MBD-SC2.

⁽ⁱⁱ⁾ Hợp đồng tín dụng theo từng lần số 434/2014/VCB-KHDN ngày 25 tháng 11 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn ngắn hạn bù đắp thiếu hụt tài chính. Số tiền vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo thông báo của Ngân hàng, thời hạn cho vay tối đa là 09 tháng từ ngày rút vốn.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	33.135.000.000		33.135.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	67.657.076.054		67.657.076.054
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		51.418.549.709	51.418.549.709
Số tiền vay đã trả trong năm	(46.457.076.054)		(46.457.076.054)
Số cuối năm	54.335.000.000	51.418.549.709	105.753.549.709

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jơ Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15b. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay và nợ dài hạn phải trả các bên liên quan</i>		382.192.531.455
Tập đoàn Cao su Việt Nam		382.192.531.455
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	367.133.484.460	112.738.684.954
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾	367.133.484.460	91.563.422.364
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam - Đà Nẵng ⁽ⁱⁱ⁾		21.175.262.590
Cộng	367.133.484.460	494.931.216.409

⁽ⁱ⁾ Hợp đồng tín dụng số 960/2015/HĐTD ngày 09 tháng 11 năm 2015 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích tái cấu trúc cơ cấu tài chính doanh nghiệp, tổng số tiền cho vay 358.058.000.000 đồng, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu. Tài sản đảm bảo: Gồm tất cả quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng và lợi ích bên vay đối với toàn bộ tài sản thuộc Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 (Nhà máy thủy điện bậc 1; Nhà máy thủy điện bậc 2; Nhà máy thủy điện Sông Côn 2; Giá trị: 829.062.000.000 VND và toàn bộ quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Hợp đồng trung hạn 121/2014/HĐTD ngày 25/3/2014 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, tổng số tiền vay: 60.000.000.000 VND, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo: toàn bộ tài sản thuộc Nhà máy thủy điện Sông Côn 2 (Nhà máy thủy điện bậc 1; Nhà máy thủy điện bậc 2; Nhà máy thủy điện Sông Côn 2; giá trị: 953.000.000.000 VND)

Hợp đồng tín dụng số 143/2009/HĐTD ngày 16 tháng 9 năm 2009 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích tái cấu trúc cơ cấu tài chính doanh nghiệp, tổng số tiền cho vay 56.133.000.000 VND, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu. Tài sản đảm bảo: Một phần tài sản của Nhà máy Thủy điện Sông Côn 2.

Hợp đồng tín dụng số 122/2014/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích mua sắm máy móc thiết bị, tổng số tiền cho vay 15.000.000.000 VND, thời hạn vay 4 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu. Tài sản đảm bảo: Một phần tài sản của Nhà máy Thủy điện Sông Côn 2.

⁽ⁱⁱ⁾ Hợp đồng tín dụng số 05/2006/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Thủy điện Geruco Sông Côn về việc cho vay vốn với mục đích Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Sông Côn 2, hạn mức vay là 67.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Một số tài sản ở Công trình Nhà máy Thủy điện Sông Côn 2.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn các bên liên quan	848.318.167	848.318.167		
Tập đoàn Cao su Việt Nam	848.318.167	848.318.167		

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	417.703.716.002	50.570.231.542	192.333.484.460	174.800.000.000
<i>Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	409.248.453.412	42.114.968.952	192.333.484.460	174.800.000.000
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	8.455.262.590	8.455.262.590		
Cộng	418.552.034.169	51.418.549.709	192.333.484.460	174.800.000.000

Số đầu năm

Vay dài hạn các bên liên quan	382.192.531.455	107.657.758.881	274.534.772.574	
<i>Vay Tập đoàn Cao su Việt Nam</i>	382.192.531.455	107.657.758.881	274.534.772.574	
Vay dài hạn ngân hàng	112.738.684.954	25.834.968.952	86.903.716.002	
<i>Vay Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	91.563.422.364	13.114.968.952	78.448.453.412	
<i>Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam - Đà Nẵng</i>	21.175.262.590	12.720.000.000	8.455.262.590	
Cộng	494.931.216.409	133.492.727.833	361.438.488.576	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức khác	Cộng
Số đầu năm	112.738.684.954	382.192.531.455	494.931.216.409
Số tiền vay phát sinh trong năm	330.800.000.000		330.800.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(25.834.968.952)	(381.344.213.288)	(407.179.182.240)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(50.570.231.542)	(848.318.167)	(51.418.549.709)
Số cuối năm	367.133.484.460		367.133.484.460

Công ty không có khoản vay nào quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm		20.510.245	20.510.245
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.622.250.000	540.750.000	2.163.000.000
Tăng khác		25.000.000	25.000.000
Chi quỹ trong năm		(45.000.000)	(45.000.000)
Số cuối năm	1.622.250.000	541.260.245	2.163.510.245

CÔNG TY CỔ PHẦN THUYẾT MINH ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jo Ngậy, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	374.920.000.000	6.015.925.910	(18.053.544.835)	1.792.211.404	1.792.211.404	15.438.999.311	380.113.591.790
Kết chuyển sang lợi nhuận		(6.015.925.910)				6.015.925.910	
Điều chỉnh phân loại theo thông tư 200/2014/TT-BTC				1.792.211.404	(1.792.211.404)		
Lợi nhuận trong năm trước						1.011.603.791	1.011.603.791
Trích lập các quỹ						(1.476.676.745)	(1.476.676.745)
Chia cổ tức, lợi nhuận						(18.770.928.225)	(18.770.928.225)
Phân bổ vào chi phí			553.718.522				553.718.522
Thù lao Hội đồng quản trị						(296.616.697)	(296.616.697)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(564.861.588)	(564.861.588)
Số dư cuối năm trước	374.920.000.000		(17.499.826.313)	1.792.211.404		1.357.445.757	360.569.830.848
Số dư đầu năm nay	374.920.000.000		(17.499.826.313)	1.792.211.404		1.357.445.757	360.569.830.848
Lợi nhuận trong năm						42.012.014.978	42.012.014.978
Trích lập các quỹ						(2.163.000.000)	(2.163.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận						(14.996.800.000)	(14.996.800.000)
Phân bổ vào chi phí			2.299.826.313				2.299.826.313
Số dư cuối năm nay	374.920.000.000		(15.200.000.000)	1.792.211.404		26.209.660.735	387.721.872.139

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	306.000.000.000	51%	191.250.000.000	114.750.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	114.000.000.000	19%	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty Cao su Phú Riêng	114.000.000.000	19%	57.000.000.000	57.000.000.000
Tổ chức và cá nhân khác	66.000.000.000	11%	69.670.000.000	(3.670.000.000)
Cộng	600.000.000.000	100%	374.920.000.000	225.080.000.000

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	37.492.000	37.492.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.492.000	37.492.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	99.884.899	211.013.764
Số khấu hao	(33.555.876)	(111.128.865)
Số cuối năm	66.329.023	99.884.899

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 5.058,52 USD (số đầu năm là 5.062,24 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngật, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán thành phẩm điện cho Công ty Mua bán điện	195.941.681.701	136.294.429.617
Bán thành phẩm điện cho khách hàng khác	44.038.873	101.174.043
Doanh thu cho thuê mặt bằng	16.363.636	
Doanh thu khác	10.909.092	
Cộng	<u>196.012.993.302</u>	<u>136.395.603.660</u>

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	89.113.378.108	83.107.908.927

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	108.950.000	518.519.445
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	75.096.591	60.317.447
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.564.673	1.357.698
Cộng	<u>189.611.264</u>	<u>580.194.590</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.111.055.266	29.536.698.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.066.330.017	6.415.115.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		4.626.176.901
Chi phí tài chính khác	1.044.550.196	1.111.275.970
Cộng	<u>49.221.935.479</u>	<u>41.689.266.705</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.580.481.862	5.624.094.438
Chi phí vật liệu quản lý	383.150.450	543.387.821
Chi phí đồ dùng văn phòng	181.831.803	201.320.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.363.632	22.975.597
Thuế, phí và lệ phí	46.331.900	6.369.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.728.198.039	1.558.253.614
Các chi phí khác	2.545.620.755	2.909.606.610
Cộng	<u>13.472.978.441</u>	<u>10.866.007.691</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jr Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê mặt bằng viễn thông		16.363.636
Tiền bán hồ sơ thầu		4.545.455
Thu nhập khác	6.031.657	
Cộng	<u>6.031.657</u>	<u>20.909.091</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế GTGT không được khấu trừ		43.207.503
Thuế Thu nhập cá nhân hạch toán sai		52.907.737
Thuế bị phạt, bị truy thu	11.302.173	106.031.226
Cộng	<u>11.302.173</u>	<u>202.146.466</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.012.014.978	1.011.603.791
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.163.000.000)	(1.011.603.791)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.849.014.978	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	37.492.000	37.492.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.063</u>	

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 27 VND xuống còn (12) VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.311.599.106	3.116.337.793
Chi phí nhân công	25.978.140.811	15.415.969.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.635.883.088	46.385.269.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.978.630.089	19.477.022.688
Chi phí khác	9.682.103.455	9.579.316.807
Cộng	<u>102.586.356.549</u>	<u>93.973.916.618</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SỐNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jơ Ngất, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tập đoàn Cao su Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	Thành viên góp vốn
Công ty Cao su Phú Riềng	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện VRG Ngọc Linh	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty liên kết cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết. Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Cao su Việt Nam		
Số tiền vay đã trả trong năm	381.344.213.288	43.435.329.590
Lãi vay phải trả Tập đoàn	12.954.429.787	
Chia cổ tức trong năm	7.650.000.000	9.560.460.000
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa		
Chia cổ tức trong năm	2.280.000.000	3.561.740.000
Công ty Cao su Phú Riềng		
Chia cổ tức trong năm	2.280.000.000	3.561.740.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.11, V.13, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

2a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

2b. Ảnh hưởng của việc chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	Số liệu trước		Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
	Mã số	điều chỉnh			
Phải thu ngắn hạn khác	136	73.766.436	1.398.539.969	1.472.306.405	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.398.539.969	(1.398.539.969)		(i)

- (i) Phân loại các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn và tạm ứng từ chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác"

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	7.572.919.739			7.572.919.739
Vay và nợ	105.753.549.709	192.333.484.460	174.800.000.000	472.887.034.169
Các khoản phải trả khác	20.995.032.281			20.995.032.281
Cộng	134.321.501.729	192.333.484.460	174.800.000.000	501.454.986.189
Số đầu năm				
Phải trả người bán	2.445.442.181			2.445.442.181
Vay và nợ	166.627.727.833	361.438.488.576		528.066.216.409
Các khoản phải trả khác	17.363.959.362			17.363.959.362
Cộng	186.437.129.376	361.438.488.576		547.875.617.952

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngất, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/ Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.058,52	5.062,24 (16.524.966,19)
Cộng	<u>5.058,52</u>	<u>(16.519.903,95)</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 2.149.466 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 6.968.095.486 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp. :

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (VND)</u>	<u>Số đầu năm (VND)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	
Vay và nợ	(472.887.034.169)	(528.066.216.409)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(470.887.034.169)</u>	<u>(528.066.216.409)</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 9.417.740.683 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 10.561.324.328 VND).

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp khoản phải thu Công ty mua bán điện để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Liên doanh Việt Nga và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (xem thuyết minh số V15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 48.383.835.109 VND (số đầu năm là 40.287.866.060 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GERUCO SÔNG CÔN

Địa chỉ: Thôn Ngát, xã Jo Ngây, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.287.586.348		19.445.340.796	
Phải thu khách hàng	48.409.406.650		40.352.305.444	
Các khoản phải thu khác	47.556.900		50.222.742	
Cộng	57.744.549.898		59.847.868.982	

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	7.572.919.739	2.445.442.181
Vay và nợ	472.887.034.169	528.066.216.409
Các khoản phải trả khác	20.995.032.281	17.363.959.362
Cộng	501.454.986.189	547.875.617.952

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 95.376.071.368 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ngân hàng Liên doanh Việt Nga cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Công ty. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Duy

Võ Minh Tân

Trần Thị Oanh